

ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO MIỀN NAM VỚI QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN HỘI NGHỊ PARIS (1968 - 1973)

LÊ CUNG*
TRẦN THANH THỦY**

Trong dòng chảy lịch sử Việt Nam thời hiện đại, phong trào Phật giáo miền Nam (1954 - 1975) được xem là một trong những phong trào nổi bật nhất, một bộ phận của phong trào cách mạng miền Nam, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cho đến nay, việc nghiên cứu về những đóng góp của phong trào Phật giáo miền Nam đối với quá trình đàm phán và đi đến ký kết Hiệp định Paris vẫn là một mảng trống, chưa được giới sử học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Vì vậy, bài viết này mong muốn góp thêm một nguồn tài liệu đáng tin cậy bổ sung vào chỗ trống đó.

1. Lập trường của Phật giáo miền Nam trước Hội nghị Paris

Nghiên cứu lập trường và quan điểm của Phật giáo miền Nam đối với cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành ở Việt Nam, Nhóm Nghiên cứu, trắc nghiệm thuộc Văn phòng Phụ tá Chính trị, Văn hóa Phủ Tổng thống (Việt Nam Cộng hòa) cho rằng đối với Phật giáo thì “sự can thiệp thô bạo của Hoa Kỳ đã hỗ trợ cho những chính phủ..., phản lại

quyền dân tộc tự quyết và những quyền căn bản của nhân dân Việt Nam.

Hoa Kỳ đã tàn sát nhân dân cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, phá đổ nền văn minh dân tộc Việt Nam và làm băng hoại xã hội Việt Nam đến cùng cực. Đa số nông dân, nhất là Phật tử tại nông thôn phải thống khổ, trong khi đó một thiểu số tướng tá và thương gia làm ăn phát đạt nhờ chiến tranh đã sống quá xa hoa trên xương máu đồng bào,... chiến tranh không thể chấp nhận được bởi nền độc lập, dân chủ và tự do không bao giờ thực hiện được ở Nam Việt Nam, chừng nào người Mỹ còn kiểm soát Nam Việt Nam, cuộc chiến không phải là cuộc chiến tranh giữa miền Nam và miền Bắc, mà giữa Mỹ và nhân dân Việt Nam” (1).

Khách quan giúp chúng ta hiểu rằng, tại sao từ khi Mỹ leo thang chiến tranh bằng việc tiến hành “*Chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Phật giáo miền Nam đã đặt vấn đề *hòa bình* thành một mục tiêu quan trọng trong sự nghiệp phục vụ dân tộc và Đạo pháp. Ngày 12-12-1965, Phật giáo đã chính thức công bố thông điệp Hòa Bình.

*PGS.TS. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

**TS. Trường Chính trị Lê Duẩn, tỉnh Quảng Trị

Cũng trong năm này, “*Phong trào tranh đấu bảo vệ hòa bình và hạnh phúc cho dân tộc*” do Thượng tọa Thích Quảng Liên chủ trương đã bị chính quyền Sài Gòn gán cho là “thân Cộng sản” và bị giải tán, sau đó Thích Quảng Liên đã bị buộc lưu vong ở Thái Lan. Sang năm 1966, Phật giáo miền Nam đã mở nhiều chiến dịch vận động hòa bình cả ở quốc nội và quốc tế. Ngày 3-6-1966, tại Mỹ, Đại đức Thích Nhất Hạnh, thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tuyên bố chủ trương 5 điểm:

- “1. Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ phải từ chức.
2. Quân đội Mỹ phải rút lui.
3. Ngưng oanh tạc Bắc Việt.
4. Phải lập chánh thể dân chủ.
5. Phải tái thiết miền Nam không điều kiện” (2).

Cũng cần thấy thêm rằng, ở thời điểm đầu tiên của cuộc vận động hòa bình, tăng ni, Phật tử miền Nam đã biến mình thành ngọn đuốc, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh. Nổi bật nhất là Phật tử Nhất Chi Mai, tự thiêu ngày 16-5-1967 tại chùa Từ Nghiêm (Sài Gòn) với nguyện ước:

“Xin đem thân làm đuốc
Xin soi sáng vô minh
Xin tỉnh người thức tỉnh
Xin Việt Nam hòa bình” (3).

Trong thư gửi Chính phủ Mỹ, Nhất Chi Mai lên án tội ác chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam: “Bao nhiêu sáo ngữ “bảo vệ tự do và hạnh phúc” cho Việt Nam mà quý Ngài dùng làm chiêu bài bấy lâu nay, đã quá lỗi thời và lỗi bịch.

Bao nhiêu tấn bom đạn, tiền bạc của quý Ngài trút lên đầu dân tộc tôi, để tàn phá thân xác và tinh thần quốc gia của họ.

Bao nhiêu người Việt Nam có lòng với quốc gia dân tộc thì bị quý Ngài đàn áp và hãm hại.

Bao nhiêu người Mỹ sáng suốt, nhân đạo và dũng cảm dám chỉ trích sự lầm lạc của quý Ngài, thì bị kết án tù đầy” (4).

Nhất Chi Mai khẳng định sự thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là không tránh khỏi: “Quý Ngài có biết người Việt chúng tôi, hầu hết trong thâm tâm của họ, họ chán ghét người Mỹ đã mang chiến tranh đau khổ đến cho xứ sở của họ lắm rồi không?”

Càng leo thang chiến tranh, càng đổ nhiều nhân lực và tài lực tại đây, các Ngài chỉ thất bại chua cay thôi. Sự vụng về của các Ngài làm cho quý Ngài mất hết chính nghĩa” (5).

Và “để cứu nguy cho hàng triệu sinh mạng người Việt Nam, người Hoa Kỳ và danh dự đại cường Hiệp Chúng Quốc”, Nhất Chi Mai đề nghị 4 giải pháp:

1. Ngưng oanh tạc Bắc và Nam Việt Nam.
2. Từ từ rút binh, giao cho người Việt Nam định đoạt số phận của họ.
3. Nhờ Liên Hiệp Quốc kiểm soát tổng tuyển cử. Người Việt Nam, nếu được tự do thực sự, họ đủ khôn ngoan để lựa chọn chế độ nào tự do và hạnh phúc.
4. Giúp đỡ nhân dân Việt Nam tái thiết xứ sở họ đã tan nát vì bom đạn của quý Ngài” (6).

Từ diễn đàn quốc tế đến cuộc tự thiêu đầu tiên vì hòa bình Việt Nam cho thấy ngay từ đầu, khi Nhà Trắng đưa quân viễn chinh Mỹ xâm lược miền Nam; đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, tăng ni và Phật tử miền Nam đã không mơ hồ về bản chất của cuộc chiến tranh xâm lược do Mỹ gây ra. Do vậy, tăng ni và Phật tử miền Nam đã cực lực lên án cuộc chiến

tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, đòi Mỹ rút quân, đòi độc lập dân tộc, đòi các quyền dân chủ cho nhân dân miền Nam, gạt bỏ chính quyền tay sai; Mỹ phải chịu trách nhiệm về những hậu quả của cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra.

2. Vai trò của Phật giáo miền Nam với quá trình đàm phán Hội nghị Paris (1968 - 1973)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân miền Nam đã làm sụp đổ ý chí xâm lược của Mỹ; Nhà Trắng bị nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ chỉ trích, lên án dữ dội, buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris.

Và khi cuộc đàm phán tại Paris mở ra vào ngày 13-5-1968, một trong những đòi hỏi của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Mỹ phải chấp nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tham dự hội nghị với tư cách là một bên độc lập và bình đẳng. Hậu thuẫn cho yêu sách này, Đại hội Phật giáo Ấn Quang (7) toàn quốc nhiệm kỳ III tại chùa Ấn Quang, từ ngày 18 đến 21-8-1968 đã thảo luận sôi nổi và trong cuộc họp báo vào ngày cuối của Đại hội (21-8-1968), giới lãnh đạo Phật giáo (miền Nam) tuyên bố không phản đối sự hiện diện của những ý thức hệ dị biệt trong sinh hoạt chính trị miền Nam: “Đại hội chủ trương một sự đoàn kết chân thành và thiết thực vì sự tồn vong và hạnh phúc của dân tộc vượt lên mọi dị biệt ý thức hệ, chính kiến và tín ngưỡng... Đại hội không phản đối quyền tự do hoạt động theo chính kiến dị biệt của mọi đoàn thể trong quốc gia căn cứ trên nghĩa đồng bào và quyền lợi dân tộc”. Trả lời ký giả trong cuộc họp báo, giới lãnh đạo Phật giáo tuyên bố: “Nếu có hòa bình thì điều mà Phật giáo mong muốn là một nền hòa bình

hợp tình, hợp lý, một thứ hòa bình mà quyền tự do tín ngưỡng và mọi xu hướng chính trị phải được tôn trọng” (8).

Thượng tọa Thích Thiện Hoa, trên cương vị là Viện trưởng Viện Hóa Đạo đã biểu lộ khát vọng cao độ của mình về một nền hòa bình thực sự cho đất nước: “Nếu đem thân xác này chia làm trăm ngàn mảnh để đổi lấy hòa bình cho Việt Nam, tôi cũng sẵn sàng” (9). Với chức vụ của mình, Thượng tọa Thích Thiện Hoa đã căn dặn tín đồ Phật tử: “Người Việt Nam không làm tay sai cho nước ngoài,...”, rằng “tất cả các bên tham gia chiến tranh ở Việt Nam đều phải được tham dự các cuộc nói chuyện hòa bình” (10).

Những dòng tư liệu trên đây cho thấy Phật giáo đã mặc nhiên công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong cộng đồng quốc gia. Với Phật giáo thì không có lý do nào loại trừ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ở bàn đàm phán Paris như chính quyền Sài Gòn đòi hỏi.

Ngày 25-1-1969, đàm phán bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa khai mạc tại Paris. Ngày này (25-1-1969), tại Sài Gòn, nhân lễ Phật Thích Ca thành đạo (Mồng Tám tháng Chạp năm Kỷ Dậu), hàng vạn Phật tử rước Xá Lợi Phật từ chùa Phổ Minh về chùa Ấn Quang. Cuộc rước Phật đã biến thành một cuộc biểu tình đòi hòa bình. Tăng ni, Phật tử đã trưng lên những khẩu hiệu: “Chúng tôi muốn hòa bình!”, “Hãy trả lại độc lập cho chúng tôi!”, “Hòa bình, độc lập muôn năm!”, “Phản đối âm mưu kéo dài chiến tranh!”, “Phải thương thuyết nghiêm chỉnh!”. Cứ mỗi lần khẩu hiệu được hô lên thì đoàn người đáp lại bằng hai tiếng: “Hòa bình! Hòa bình! Hòa bình!” (11).

Ngày 8-5-1969, đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris, đưa ra giải pháp toàn bộ 10 điểm về vấn đề miền Nam Việt Nam, tập trung vào hai vấn đề chính: Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà không đòi hỏi điều kiện gì; nhân dân miền Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình bằng cách thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời để tổ chức tổng tuyển cử tự do.

Hỗ trợ “giải pháp toàn bộ 10 điểm về vấn đề miền Nam Việt Nam...” trong Thông điệp Đại lễ Phật đản 1969, giới lãnh đạo Phật giáo bày tỏ lập trường ủng hộ và mong muốn các bên tham chiến nhanh chóng chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và kêu gọi “toàn thể Phật tử nhất tâm thành ý gạt bỏ tị hiềm chia rẽ để trở thành sức mạnh gây tin tưởng trong đồng bào và hoàn thành sứ mạng cao cả trên” (12).

Tuy nhiên, với âm mưu kéo dài chiến tranh, chính quyền Việt Nam Cộng hòa ra sức trấn áp những ai tán thành hòa bình, chủ trương trung lập và tán thành việc thành lập chính quyền liên hiệp ở miền Nam đều là cộng sản. Với Nguyễn Văn Thiệu: “Bất cứ ai chủ trương trung lập cho Nam Việt Nam trong giai đoạn này là ngu xuẩn” (13) (Tuyên bố tại Vũng Tàu, 3-11-1969), trung lập là “bấp bênh và sẽ đưa quốc gia trôi nổi như chiếc lá vàng giữa gió, như con cá lội giữa dòng không biết về đâu, hoặc giả như khúc củi khô trôi bồng bềnh rồi có ngày giạt ra biển cả mà mục nát” (14). (Tuyên bố tại Đà Lạt, 6-11-1969), “những ai đòi hòa bình ngay tức khắc là mị dân, là cộng sản nằm vùng” (15) (Tuyên bố tại Vũng Tàu, 25-8-1970).

Bất chấp sự đe dọa khủng bố, cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam ủng hộ lập trường của Mặt trận Dân tộc Giải phóng

miền Nam Việt Nam tại bàn đàm phán Paris vẫn tiếp tục diễn ra rộng khắp, được thể hiện một cách mãnh liệt từ đông đảo tín đồ đến giới lãnh đạo Phật giáo.

Ngay cả khi chính quyền Sài Gòn phải chịu ngồi vào bàn đàm phán Paris, những người Phật tử Việt Nam cho rằng muốn có hòa bình phải lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, bởi họ không tin rằng chính quyền này có thiện chí trong đàm phán. Tiêu biểu cho lập luận này là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hội Phật giáo Việt kiều hải ngoại: “Chính quyền Thiệu - Kỳ - Hương (16) phản đối kịch liệt việc ngưng ném bom miền Bắc, đã dùng những mảnh khốe gian lận để làm trì hoãn cuộc thương lượng ở Paris, đã và đang đàn áp dã man để bóp nghẹt tiếng nói hòa bình của quần chúng..., chính quyền đó chứng minh rõ ràng trước mắt mọi người rằng họ không muốn hòa bình và không thể nào có hòa bình với họ. Chính quyền đó chẳng đại diện cho ai cả, bởi vì nhân dân và nhất là Phật tử chưa bao giờ thừa nhận họ... Để tạo điều kiện cho sự văn hồi hòa bình ở Việt Nam, thay đổi chính quyền Sài Gòn là việc tối cần thiết; một chính quyền mới để thực hiện nguyện vọng hòa bình tha thiết của dân tộc, sẽ mở cuộc đàm phán với Chính phủ Hoa Kỳ và nói chuyện với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam về việc ngưng bắn, việc triệt thoái quân đội ngoại quốc, và việc thành lập Chính phủ Liên hiệp tại miền Nam Việt Nam” (17).

Sau cuộc đảo chính lật đổ Sihanouk ngày 18-3-1970 do Mỹ giật dây, chính quyền phản động thân Mỹ do Lon Nol cầm đầu ra đời. Theo kế sách của Mỹ, chính quyền Lon Nol tiến hành khủng bố, tàn sát Việt kiều, cưỡng bức Việt kiều hồi hương. Trong một kháng thư của Ủy ban bảo vệ Việt kiều tại Campuchia thuộc Giáo hội Phật giáo Ấn Quang, giới lãnh đạo Phật giáo

cho rằng: “Việc Chính phủ Cao Miên tàn sát cưỡng đoạt tài sản Việt kiều, ở đây, không những làm cho người Việt Nam chúng ta đau xót, uất ức, mà dư luận quốc tế cũng phải chấn động” và xem “hành động này đồng nghĩa với sự trục xuất toàn bộ Việt kiều khỏi Cao Miên không có lý do chính đáng, trái với công pháp quốc tế” (18).

Trước thực trạng đó, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu không những không tìm biện pháp giải quyết mà còn đồng lõa với tập đoàn Lon Nol tàn sát Việt kiều ở Campuchia bằng việc “gửi vũ khí giúp Chính phủ Lon Nol..., cho quân lực Việt Nam Cộng hòa tiến vào lãnh thổ Cao Miên,... phong tỏa toàn bộ duyên hải quốc gia này, đổ bộ ở cảng Sihanoukville và tiến quân đến thủ đô Nam Vang” (19) nhằm cứu chính quyền bù nhìn Lon Nol khỏi sụp đổ. Trong một kháng thư gửi chính quyền Sài Gòn ngày 4-6-1970, Thượng tọa Thích Thiên Ân, Viện trưởng Viện Quốc tế Phật giáo Thiền học tại Hoa Kỳ, lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu là kẻ tiếp tay cho chính quyền Lon Nol tàn sát Việt kiều và là kẻ phá hoại hòa bình ở Đông Dương và Việt Nam: “Là công dân Việt Nam, tôi không thể nào làm ngơ trước cảnh hơn nửa triệu đồng bào Việt Nam bị đe dọa tàn sát ở đất Miên, và kịch liệt phản đối thái độ im lặng, thúc thủ của chính quyền Việt Nam (chính quyền Việt Nam Cộng hòa - TG) đối với vấn đề ấy” và “nếu chính phủ ấy không bảo vệ được dân, kể cả những kiều bào hải ngoại thì chính phủ ấy không còn là của dân nữa và không được dân ủng hộ nữa” (20). Điều này đồng nghĩa với việc phủ nhận sự tồn tại của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Nổi bật nhất là “Giải pháp sáu điểm để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam” do Đoàn đại biểu Phật giáo Ấn Quang, công bố tại Đại hội Phật giáo

thế giới tổ chức tại Kyoto (Nhật Bản) ngày 20-10-1970:

“Điều thứ 1. Các bên lâm chiến bắt đầu từ ngày hôm nay xuống thang chiến tranh dần dần để đi tới một cuộc ngừng bắn toàn diện vào lúc 6 giờ chiều ngày 30 Tết Tân Hợi...

Điều thứ 2. Tổ chức Liên Hiệp Quốc phải cấp thời chỉ định một số quốc gia trung lập như Pháp, Ấn, Hồi, Thụy Điển, ... để thành lập một Ủy hội quốc tế kiểm soát cho cuộc ngừng bắn này.

Một chuyên viên quân sự của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa và một chuyên viên quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ được tham gia đại diện trong Ủy hội này.

Điều thứ 3. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải phóng thích các tù nhân chính trị như sinh viên, trí thức, tu sĩ và tất cả những người đương bị giam giữ vì đã tranh đấu cho hòa bình và quyền tự chủ của quốc gia.

Điều thứ 4. Chính phủ Hoa Kỳ phải chấm dứt tình trạng thối nát, độc tài và bất lực hiện tại miền Nam Việt Nam bằng cách phải để cho người Việt tự do lựa chọn một chính quyền có thể đại diện cho đa số quần chúng, có bản chất hòa giải dân tộc, không liên kết và có đầy đủ khả năng, để:

a) Thương thuyết với Chính phủ Hoa Kỳ về thời biểu triệt thoái toàn thể quân lực Hoa Kỳ ở Việt Nam và về những liên hệ ngoại giao, văn hóa, kinh tế giữa Hoa Kỳ và Việt Nam.

b) Thương thuyết với Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam về những thể thức tổ chức tổng tuyển cử để đại diện mọi khuynh hướng chính trị ở miền Nam Việt Nam. Một cuộc bầu cử thực sự tự do dưới sự giám sát quốc tế, trong đó mọi người dân bất cứ khuynh hướng chính trị nào đều có thể tham dự.

Điều thứ 5. Các Chính phủ Hoa Kỳ, Liên bang Xô viết, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và các quốc gia liên hệ khác cộng tác với nhau để chấm dứt những nỗi khổ đau của người Việt bằng cách ủng hộ đề nghị này do chính người Việt đưa ra.

Điều thứ 6. Các phía lâm chiến tại Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, các giáo hội tôn giáo và các nhà nhân bản kịp thời hành động để thúc đẩy các quốc gia có trách nhiệm về chiến tranh Việt Nam chấm dứt cuộc chiến tranh tại Việt Nam, Lào và Campuchia” (21).

Phân tích “Giải pháp sáu điểm...” của Phật giáo miền Nam, chúng ta thấy nổi bật lên ba vấn đề cơ bản:

Một là, Phật giáo tố cáo chính quyền Nguyễn Văn Thiệu là thối nát, độc tài, không hội đủ điều kiện cần thiết để đại diện cho nhân dân miền Nam.

Hai là, khi đề nghị “một chính quyền có thể đại diện cho đa số quần chúng nhân dân miền Nam, có bản chất hòa giải dân tộc, không liên kết và có đầy đủ khả năng” để thương thuyết với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Phật giáo Việt Nam không những bất tín nhiệm chính quyền Sài Gòn mà còn xếp Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở vị trí bình đẳng với chính quyền lâm thời được bầu ra để cùng nhau thương thuyết đi đến lập lại hòa bình, thống nhất đất nước.

Ba là, giải pháp đặt vấn đề Mỹ rút quân, nhưng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vẫn có mặt trong sinh hoạt chính trị tại miền Nam.

Đề nghị của Phật giáo Ấn Quang đã tạo được tiếng vang lớn ở diễn đàn Hội nghị Kyoto. Theo báo “Sài Gòn mới” ngày 26-10-

1970, đề nghị của Phật giáo Ấn Quang được Hội nghị Quốc tế Phật giáo ở Kyoto dùng làm nền tảng trong bản nghị quyết “kêu gọi rút quân ngoại nhập và lập chính phủ có “căn bản rộng rãi” ở Sài Gòn” (22). Bản Quyết nghị 10 điểm về Việt Nam của Hội nghị Quốc tế Phật giáo ở Kyoto, có đoạn viết: “Hoa Kỳ rút lui sự hỗ trợ cho chánh quyền Việt Nam Cộng hòa mà bản chất là quân nhân, để dân chúng Việt Nam dễ dàng bầu lên một chính quyền dân sự thực sự đại diện” (23).

Cũng trong kế hoạch chống chiến tranh, đòi hòa bình cho Việt Nam, ngày 29-12-1970, Đại hội Sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam tổ chức tại Đà Lạt, đã ra Tuyên ngôn lên án chính sách gây chiến của Mỹ, vạch trần bản chất tay sai của chính quyền Sài Gòn, đòi Mỹ phải rút quân, phải tôn trọng độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Tuyên ngôn khẳng định:

“Nguyên nhân cuộc chiến tranh Việt Nam là do Chính phủ Mỹ gây ra, nhà cầm quyền hiện hữu không đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam mà do chính quyền Mỹ dựng lên.

Toàn bộ quân đội Mỹ và đồng minh của Mỹ phải tức khắc rút quân vô điều kiện ra khỏi miền Nam, giải tán toàn bộ phương tiện chiến tranh, căn cứ quân sự ở miền Nam.

Chính phủ Mỹ phải chấm dứt ngay sự ủng hộ nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam, chấm dứt viện trợ quân sự, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự định đoạt lấy vận mạng của mình mà không bị bất cứ một hình thức can thiệp nào từ bên ngoài vào.

Chính phủ Mỹ phải triệt để tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam, tôn trọng chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam” (24).

“Giải pháp sáu điểm...” của Phật giáo Ấn Quang công bố tại Đại hội Phật giáo thế

giới tại Kyoto (Nhật Bản) ngày 20-10-1970 và Tuyên ngôn của Đại hội Sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam tại Đà Lạt ngày 29-10-1970 đã tán thành những mục tiêu cơ bản do Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra tại bàn đàm phán Paris, như Mỹ rút quân, loại trừ chính quyền Sài Gòn, thành lập chính phủ không liên kết, thừa nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam, tôn trọng chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam... Điều này góp phần làm sáng tỏ hơn nữa về tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Nó đánh dấu một bước tiến mới về lập trường của Phật giáo trong việc hậu thuẫn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại bàn đàm phán Paris.

Sang năm 1971, cuộc đấu tranh ủng hộ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam của Tăng ni, tín đồ Phật tử vẫn tiếp tục tiếp diễn. Ngày 9-5-1971, Đại đức Thích Chơn Thể, tăng sĩ chùa Tường Vân (Huế) tự thiêu đòi hòa bình tại Quảng trường Quách Thị Trang (trước Trường Hai Bà Trưng - Huế). Trong thư gửi Tổng thống và các nhà lãnh đạo Mỹ, Đại đức Thích Chơn Thể viết:

“Dân tộc chúng tôi đã chết chóc quá nhiều. Máu dân Việt đã chảy thành sông, xương dân Việt đã chất thành núi.

Vậy trước giờ chết, tôi kêu gọi các Ngài:

1. Rút quân ra khỏi Việt Nam.
2. Trả lại quyền tự do cho dân Việt tự lo liệu để sớm hòa bình thống nhất đất nước.

3. Vậy hôm nay tôi đốt thân này để kêu gọi hòa bình thật sự cho người Việt Nam, cùng yêu cầu nhân dân và đồng bào Mỹ hãy kêu gọi chồng, con em trở về xứ sở...” (25).

Cũng ngày 9-5-1971, tại Cam Lộ, Quảng Trị, ni cô Tịnh Nhuần tự thiêu để cầu nguyện hòa bình. Cùng ngày, hơn hai vạn tín đồ Phật giáo và sinh viên, học sinh Huế xuống đường biểu tình đòi hòa bình, lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 28-7-1971, Đại hội Sinh viên miền Nam Việt Nam kỳ V tổ chức tại Huế. Sinh viên Đại học Vạn Hạnh (Đại học Phật giáo) là một trong bốn đoàn đại biểu sinh viên các trường đại học tham gia đại hội. Đại hội công khai phổ biến và tuyên bố ủng hộ “Lập trường 7 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về việc lập lại hòa bình tại Việt Nam”, do Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình đưa ra tại phiên họp lần thứ 119 của Hội nghị Paris (26).

Sau đại hội, sinh viên và học sinh đã tỏa ra các chợ, các khu dân cư để tuyên truyền nghị quyết đại hội. Các khẩu hiệu: “Còn Thiệu còn chiến tranh”, “American go home”, “Chống Thiệu là chống chiến tranh”,... được viết bằng sơn khắp nơi trong thành phố. Tổng hội Sinh viên Huế đã in 5.000 bản Tuyên bố 7 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để phổ biến rộng rãi trong nhân dân (27).

Tại Sài Gòn, ngày 2-8-1971, Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống ra mắt tại chùa Ấn Quang và đặt trụ sở tại Tịnh xá Ngọc Phương. Ni sư Huỳnh Liên tham gia lãnh đạo phong trào với chức vụ cố vấn. Phong trào ra tuyên ngôn đòi Mỹ rút quân về nước, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi thành lập chính phủ thật sự đại diện cho nhân dân

miền Nam, đòi quyền sống và bảo vệ nhân phẩm phụ nữ. Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống lan rộng ra khắp ở các đô thị miền Nam. Tiếp theo, ngày 29-9-1971, Giáo hội Phật giáo Ấn Quang thành lập Ủy ban nhân dân tranh thủ dân chủ và hòa bình. Ngày 1-10-1971, Ủy ban này họp báo tại chùa Ấn Quang cầu nguyện hòa bình cho Việt Nam và vận động nhân dân không đi bỏ phiếu trong cuộc bầu cử Tổng thống độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 3-10-1971.

Ở Đà Nẵng, ngày 24-8-1971, hơn 10.000 học sinh và đồng bào các giới, trong đó có đông đảo tín đồ Phật giáo xuống đường đấu tranh hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Mỹ”, “Đả đảo Nguyễn Văn Thiệu”, “Đả đảo chính sách khủng bố”. Liên tiếp trong những ngày sau đó, đông đảo đồng bào, kể cả một số thương phế binh cũng xuống đường đấu tranh đòi Mỹ phải rút về nước, đòi Thiệu phải từ chức và đòi Mỹ - Thiệu phải chấm dứt khủng bố, chấm dứt chiến tranh. Phong trào lên cao, có lúc thu hút tới 40.000 người tham gia (28).

Sang năm 1972, phong trào Phật giáo vẫn tiếp tục diễn ra. Ngày 17-5-1972, Giáo hội Phật giáo Ấn Quang gửi thư cho các trưởng phái đoàn tại Hội nghị Paris, yêu cầu ngưng chiến nhân lễ Phật đản 2516 (28-7-1972), kêu gọi các phe lâm chiến Việt Nam bảo tồn các danh lam thắng cảnh và các cơ sở tôn giáo.

Bị thất bại nặng nề ở miền Nam, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc. Tiếp theo, để gây sức ép tại bàn đàm phán, từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, Mỹ sử dụng máy bay chiến lược B52 đánh phá dữ dội vào Hà Nội, Hải Phòng. Trước âm mưu và hành động mới của Mỹ,

Đại hội Phật giáo Ấn Quang tổ chức từ ngày 18 đến 22-12-1972. Đại hội đã ra tuyên bố phản đối Mỹ ném bom Hà Nội và Hải Phòng, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh, tạo thêm sức ép buộc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973).

3. Kết luận:

Thứ nhất, đóng góp của Phật giáo đối với quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris (1968 - 1973) thể hiện qua các hoạt động tranh đấu sôi nổi, dưới nhiều hình thức phong phú như tuyên ngôn, kháng nghị, biểu tình, tự thiêu,... với mục đích lên án Mỹ và chính quyền Sài Gòn, ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam: “Người ta chỉ thấy các chiến dịch của Phật giáo đả đảo chính phủ và Mỹ, chứ không thấy một cuộc công khai đả đảo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam mà phe chống Cộng cho là nguồn gốc của chiến tranh” (29).

Thứ hai, Phật giáo miền Nam đã góp phần nêu cao chính nghĩa của cuộc đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân Việt Nam chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Bằng những hoạt động phong phú, đặc biệt là với lý luận danh thép và hành động quyết liệt, vai trò của Phật giáo miền Nam đối với quá trình đàm phán Paris (1968 - 1973) đã từ trong giáo hội lan tỏa ra ngoài tín đồ, cả trong nước và trên diễn đàn quốc tế, góp phần tạo ra sức ép chính trị, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris (27-1-1973), lập lại hòa bình ở Việt Nam, tạo cơ sở vững chắc để nhân dân Việt Nam tiến tới hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trong Đại thắng mùa Xuân 1975.

CHÚ THÍCH

(1). Sứ mạng chính trị của Phật giáo Ấn Quang (bản viết tay) của nhóm Nghiên cứu, thực nghiệm thuộc Văn phòng Phụ tá Chính trị, Văn hóa Phủ Tổng thống, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu Đệ ICH-4316, tr.3.

(2). Văn Thanh, *Lược khảo Phật giáo Việt Nam*, Phật học viện và các chùa xuất bản, Sài Gòn, 1974, tr.443.

(3), (4), (5), (6). Thích Thiện Hoa, *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, Tập I, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr.190, 194.

(7). Sau cuộc vận động Phật giáo năm 1963, từ năm 1966 với sự hỗ trợ của Nhà Trắng, Phật giáo miền Nam chia làm 2 phái: Phật giáo Quốc Tự do Thích Tâm Châu đứng đầu, trụ sở tại Việt Nam Quốc Tự, gọi là cánh hữu, Phật giáo Ấn Quang do Thích Trí Quang đứng đầu, trụ sở tại chùa Ấn Quang, gọi là cánh tả. Phong trào Phật giáo chống Mỹ từ sau năm 1966 đều do cánh tả thực hiện.

(8), (29). Hoàng Xuân Hào, *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay* (Luận án Tiến sĩ Luật khoa), Tập II, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn, 1972, tr.409, 410.

(9). Điều văn của Hội đồng Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đọc trong lễ truy điệu Thượng tọa Thích Thiện Hoa, Cố Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Bát Nhã, 1973, tr.15.

(10), (11), (17). Trần Văn Giàu, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập V, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr.199, 259, 201-202.

(12), (23). Hoàng Xuân Hào, *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay* (Luận án Tiến sĩ Luật khoa), Tập I, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn, 1972, tr.122, 128.

(13). Báo Chánh Đạo, ngày 5-11-1969.

(14). Báo Chánh Đạo, ngày 7-11-1969.

(15). Báo Chánh Đạo, ngày 26-8-1970.

(16). Thiệu - Kỳ - Hương, tức Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa; Nguyễn Cao Kỳ, Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa và Trần Văn Hương, Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa.

(18), (19). Văn thư số 005, ngày 23-5-1970 của Ủy ban bảo vệ Việt kiều ở Cam Bốt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gửi Nguyễn Văn Thiệu, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu Đệ ICH-4315, tr.1, 2.

(20). Thích Thiên Ân, *Văn thư gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa và Quốc hội*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu: Đệ ICH-4315.

(21). “Giải pháp sáu điểm để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam” do Thượng tọa Thích Thiện Minh công bố tại Đại hội Phật giáo thế giới tổ chức tại Kyoto (Nhật Bản) ngày 20-10-1970, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu: Đệ ICH-4316.

(22). Phiếu trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ngày 7-11-1970, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu: Đệ ICH-4316.

(24). Việt Cường, Quá trình hoạt động và đóng góp của Sinh viên Phật tử Sài Gòn, *Tin Tưởng*, Số ra mắt Ban Chấp hành 71-72, (không ghi số trang).

(25). Thành đoàn Huế, *Những sự kiện lịch sử trong phong trào đấu tranh đô thị của thanh niên, sinh viên, học sinh Huế (1954-1975)*, Huế, 1989, tr.75-76.

(26), (27). Lê Cung (cb), Về phong trào đô thị miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2005, tr.338-339.

(28). <http://phatgiao.org/van-de-hoa-binh-trong-phong-trao-phat-giao-mien-nam-viet-nam-1965-1973-d47711.html>, truy cập ngày 2-1-2023.